

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu học phí năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

Căn cứ Quyết định số 4573/QĐ-BCT ngày 23/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 04/4/2023 của Hội đồng trường Ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 29/9/2023 của Hội đồng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì ban hành kèm Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 04/4/2023 của Hội đồng trường;

Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 04/4/2023 của Hội đồng trường Ban hành quy chế tài chính của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 27/6/2024;

Xét đề nghị của Trường phòng Tài chính – Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí năm học 2024-2025 theo trình độ đào tạo và theo khối ngành, cụ thể như sau: (Theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Mức thu học phí áp dụng cho năm học 2024-2025.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tài chính kế toán, Quản lý Đào tạo, Công tác sinh viên và tuyển sinh và các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *vu*

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Như điều 3;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, TCKT.



Vũ Đức Bình



PHỤ LỤC THU HỌC PHÍ

(Kèm theo Quyết định số: 49/QĐ-ĐHCNVТ ngày 27 tháng 6 năm 2024)

ST T	Khối ngành	Số tiền/tín chỉ (đồng)				
		Khóa tuyển sinh năm 2020	Khóa tuyển sinh năm 2021	Khóa tuyển sinh năm 2022	Khóa tuyển sinh năm 2023	Khóa tuyển sinh năm 2024
A	THẠC SỸ					
1	Kỹ thuật hóa học	0	0	0	820.000	820.000
2	Hóa học	0	0	0	760.000	760.000
B	ĐẠI HỌC					
I	Khối ngành III					
1	Kế toán	448.000	462.000	455.000	462.000	451.000
2	Quản trị kinh doanh	459.000	462.000	455.000	462.000	451.000
II	Khối ngành IV					
1	Hóa học (chuyên ngành Hóa Phân tích)	468.000	498.000	490.000	498.000	486.000
2	CN Sinh học	464.000	498.000	490.000	450.000	441.000
III	Khối ngành V					
1	CNKT Cơ khí	501.000	538.000	529.000	486.000	476.000
2	CNKT Hóa học	501.000	538.000	529.000	486.000	476.000
3	CNKT Môi trường	501.000	538.000	529.000	538.000	476.000
4	CN Thực phẩm	0	538.000	529.000	486.000	476.000
5	CNKT Ô tô	505.000	538.000	529.000	486.000	476.000
6	CNKT Điện, Điện tử	501.000	538.000	529.000	486.000	476.000
7	CNKT Điều khiển & TĐH	501.000	538.000	529.000	486.000	476.000
8	CN Thông tin	521.000	533.000	529.000	486.000	476.000
IV	Khối ngành VII					
1	Ngôn ngữ Anh	462.000	484.000	484.000	492.000	480.000
2	Ngôn ngữ Trung Quốc	0	0	0	0	492.000